

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG  
KHOÁN DNSE  
DNSE SECURITIES JOINT  
STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

Số/No: 19 /2026/CV-DNSE-CBTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026  
Hanoi, January 29<sup>th</sup>, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước  
The State Securities Commission  
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam  
Vietnam Stock Exchange  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh  
Hochiminh Stock Exchange  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
- Organization name: DNSE Securities Joint Stock Company
- Mã chứng khoán/Mã thành viên: DSE
- Stock code/ Broker code: DSE
- Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, số 63-65 Ngõ Thì Nhậm, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Address Floor 6<sup>th</sup>, Pax Sky Building, No.63-65 Ngo Thi Nham, Hai Ba Trung Ward, Hanoi
- Điện thoại liên hệ: 024.7108.9234
- Telephone 024.7108.9234
- Fax: Không có/None
- Email: info@dnse.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:



Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE ("DNSE") công bố Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025.

*DNSE Joint Stock Securities Company ("DNSE") announces Report on Corporate Governance for 2025.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29 /01/2026 tại đường dẫn <https://ir.dnse.com.vn/vi/ntag-bc-tinh-hinh-quan-tri-51>.

*This information was published on the Company's website on 29 /01/2026, as in the link <https://ir.dnse.com.vn/en/ntag-management-status-reports-51>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the information provided is true and correct and we will bear full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025/ *Report on Corporate Governance for 2025*

**Đại diện tổ chức**

**Organization Representative**

/Người UQ CBTT

*Persons authorized to disclose information*

**TRƯỞNG PHÒNG PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ**

**HEAD OF LEGAL AND COMPLIANCE DEPARTMENT**

  
Nguyễn Thị Hương



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN DNSE**  
DNSE SECURITIES JSC  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**  
-----

Số/No: 24/2026/BC-DNSE-HĐQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2026  
Hanoi, Jan 27th, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**(năm 2025/2025)**

Kính gửi/ - Ủy ban chứng khoán Nhà nước /The State Securities Commission  
To: - Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/Vietnam Stock Exchange (VNX)  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh/HoChiMinh Stock Exchange (HOSE)  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange (HNX)

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE**  
Name of company: **DNSE SECURITIES JSC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngõ Thị Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Address of headoffice: 6th Floor, Pax Sky Building, 63-65 Ngo Thi Nham, Hai Ba Trung Ward District, Hanoi City, Vietnam
- Điện thoại/Telephone: 024.7304.7304  
Fax: Không có/None Email: info@dnse.com.vn
- Vốn điều lệ/Charter capital: 3.426.000.000.000 đồng/ 3,426,000,000,000 Vietnam Dong
- Mã chứng khoán/Stock symbol: DSE
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:  
Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc  
General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện  
The implementation of internal audit: Implemented.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

**Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>Resolution/<br>Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------------|-------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 01/2025/NQ-<br>ĐHĐCĐ-DNSE                                   | 19/03/2025   | <p>Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 đã thông qua các nội dung chính sau:</p> <p><i>The 2025 Annual General Meeting of Shareholders (AGM2025) approved the following main contents:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.<br/><i>Reports of Board of Directors at the AGM2025.</i></li> <li>- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.<br/><i>Reports of Board of Management at AGM2025.</i></li> <li>- Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.<br/><i>Reports of Board of Supervisors at AGM2025.</i></li> <li>- Danh sách công ty kiểm toán được lựa chọn thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính (năm, bán niên) năm 2025.<br/><i>List of independent auditing company reports for the financial year 2025.</i></li> <li>- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.<br/><i>The Audited Financial Statements for the year 2024.</i></li> <li>- Thù lao của Hội đồng quản trị, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025.<br/><i>The remuneration for the Board of Directors, Board of Supervisors in 2024 and plan for 2025.</i></li> <li>- Phương án điều chỉnh việc sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.<br/><i>The adjustment and useage of charter capital supplement reserve fund, financial reserve fund and operational risk fund.</i></li> <li>- Phương án phân phối lợi nhuận, thông qua chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch chia cổ tức cho năm 2025</li> </ul> |

H. P. G. P.



| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br><i>Resolution/<br/>Decision No.</i> | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|------------|---------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                     |              | <p><i>The profit distribution plan and dividend distribution for the year 2024, and plan for 2025.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kinh doanh năm 2025.<br/><i>The business plan for the year 2025.</i></li> <li>- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE.<br/><i>Amendment and supplement the Charter of DNSE Joint Stock Company.</i></li> <li>- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE.<br/><i>Amendment and supplement the Regulations of the Board of Directors of DNSE Joint Stock Company.</i></li> <li>- Bầu thành viên Hội đồng quản trị, BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030.<br/><i>Election of members of the Board of Directors and Board of Supervisory for the 2025-2030 term.</i></li> <li>- Đăng ký niêm yết Trái phiếu DSEH2426001 Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE phát hành ra công chúng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.<br/><i>Registering for listing of DSEH2426001 Bonds issued by DNSE Securities Joint Stock Company to the public on the Hanoi Stock Exchange.</i></li> <li>- Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động năm 2025 (ESOP).<br/><i>Issuing bonus shares to employees in 2025 (ESOP).</i></li> <li>- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.<br/><i>Issuing shares to existing shareholders.</i></li> <li>- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp.<br/><i>Issuing corporate bonds.</i></li> <li>- Chủ trương đầu tư, góp vốn mua cổ phần công ty quản lý quỹ.<br/><i>The policy on investment, contributed capital to buy shares of the fund management company.</i></li> </ul> |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br><i>Resolution/<br/>Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                     |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xin cấp phép và triển khai chứng quyền.<br/><i>The plan on applying for licensing and implement of warrants.</i></li> <li>- Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và BKS nhiệm kỳ 2025-2030.<br/><i>Election of members of the Board of Directors and Board of Supervisors for the 2025-2030 term results.</i></li> </ul> |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)

*Board of Directors (Annual report):*

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

*Information about the members of the Board of Directors (BOD):*

| Stt<br>No. | Thành viên<br>HĐQT<br><i>Members</i> | Chức vụ (thành viên<br>HĐQT độc lập, TVHĐQT<br>không điều hành)<br><i>Position (Independent<br/>members of the BOD,<br/>Non-executive members<br/>of the BOD)</i> | Ngày bắt đầu/không còn là thành<br>viên HĐQT/ HĐQT độc lập<br><i>The date becoming/ceasing to be<br/>the member of the BOD</i> |                                                    |
|------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
|            |                                      |                                                                                                                                                                   | Ngày bổ nhiệm<br><i>Date of<br/>appointment</i>                                                                                | Ngày miễn<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>dismissal</i> |
| 1          | Ông Nguyễn<br>Hoàng Giang            | Chủ tịch HĐQT<br>Thành viên HĐQT không<br>điều hành<br><i>Chairman<br/>Non-executive members</i>                                                                  | 19/03/2025                                                                                                                     |                                                    |
| 2          | Ông Lê Anh Tuấn                      | Phó Chủ tịch HĐQT<br>Thành viên HĐQT không<br>điều hành<br><i>Vice Chairman<br/>Non-executive members</i>                                                         | 19/03/2025                                                                                                                     |                                                    |
| 3          | Bà Phạm Thị<br>Thanh Hoa             | Thành viên HĐQT không<br>điều hành<br><i>Non-executive members</i>                                                                                                | 19/03/2025                                                                                                                     |                                                    |
| 4          | Bà Nguyễn Thị<br>Hà Ninh             | Thành viên HĐQT điều<br>hành<br><i>Executive members</i>                                                                                                          | 19/04/2022                                                                                                                     |                                                    |

12  
ON  
;O  
UN  
D  
4T

|   |                  |                                                                  |            |  |
|---|------------------|------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 5 | Ông Bùi Anh Dũng | Thành viên độc lập HĐQT<br><i>Independent members of the BOD</i> | 10/08/2023 |  |
|---|------------------|------------------------------------------------------------------|------------|--|

## 2. Các cuộc họp HĐQT

*Meetings of the BOD:*

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT<br><i>Board of Director' member</i> | Số buổi họp HĐQT<br>tham dự<br><i>Number of meetings<br/>attended by BOD</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Lý do không<br>tham dự<br>họp<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Nguyễn Hoàng Giang                              | 37/38                                                                        | 97%                                                | Đi công tác<br>nước ngoài<br><i>Business trip<br/>abroad</i>    |
| 2          | Ông Lê Anh Tuấn                                     | 38/38                                                                        | 100%                                               |                                                                 |
| 3          | Bà Phạm Thị Thanh Hoa                               | 38/38                                                                        | 100%                                               |                                                                 |
| 4          | Bà Nguyễn Thị Hà Ninh                               | 38/38                                                                        | 100%                                               |                                                                 |
| 5          | Ông Bùi Anh Dũng                                    | 38/38                                                                        | 100%                                               |                                                                 |

## 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

*Supervising the Board of Management by the BOD:*

HĐQT đã thực hiện đầy đủ và thường xuyên giám sát đối với hoạt động điều hành Công ty của Ban Tổng giám đốc, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

*The BOD has regularly supervised operation activities managed by the Board of Management, especially on issues related to the implementation of the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the BOD, ensuring compliance with the provisions in the Company's Charter, the Securities Law and the Enterprise Law.*

HĐQT đã có những hoạt động sau:

*The BOD has conducted the following activities:*

- Thông qua các hoạt động trọng yếu của Công ty/ *Approving the important activities of the Company.*
- Giám sát hoạt động quản lý của Ban Tổng giám đốc nhằm thúc đẩy kinh doanh và quản trị công ty/ *Overseen the managerial activities of the Board of Management to promote business performance and corporate governance.*

## 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có):

*Activities of the BOD' subcommittees (If any):*

**Hoạt động của Ban Kiểm toán Nội bộ:** Ban Kiểm toán Nội bộ đang xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm toán năm 2025, đánh giá độc lập về sự tuân thủ các chính sách pháp luật và các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, kiểm tra đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, thực hiện kiểm toán chu kỳ các hoạt động nghiệp vụ chính, đánh giá quy trình



quản lý rủi ro kinh doanh và kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin, kiểm tra việc tuân thủ cam kết hợp đồng với khách hàng và đối tác, tham mưu thiết lập và hoàn thiện các chính sách quy trình nội bộ.

**Internal Audit Department Activities:** *The Internal Audit Department has been developing and executing the 2025 audit plan, conducting independent assessments of compliance with legal policies and decisions of the AGM and BOD, examining and evaluating the effectiveness of internal control systems, performing cyclical audits of core business activities, assessing business risk management processes and information technology system controls, reviewing compliance with contractual commitments to clients and partners, advising on the establishment and improvement of internal policies and procedures.*

#### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT (Báo cáo năm)

*Resolutions/Decisions of the BOD (Annual report):*

| Stt<br>No. | Số Nghị<br>quyết/ Quyết<br>định<br><i>Resolution/<br/>Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                          | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Approv<br/>al rate</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1          | 01/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 02-01-25            | Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE<br><i>Appointment of the position of Chief Financial Officer of DNSE Securities Joint Stock Company</i>                                                    | 100%                                               |
| 2          | 02/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 17-01-25            | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025<br><i>Approving the last registraion date to exercise the right to attend the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i> | 100%                                               |
| 3          | 03/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 06-02-25            | Chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện đăng ký chứng khoán tại VSDC và đăng ký niêm yết tại HNX<br><i>Confirmation of the Bondholder List for the purpose of securities registration at VSDC and listing at HNX</i>    | 100%                                               |
| 4          | 04/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 27-02-25            | Phê duyệt nội dung và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025<br><i>Approving the content and dossiers to be submitted to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>    | 100%                                               |
| 5          | 05/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 28-02-25            | Phê duyệt giao dịch với người có liên quan<br><i>Approving transactions with related party</i>                                                                                                                                      | 100%                                               |



| Stt<br>No. | Số Nghị<br>quyết/ Quyết<br>định<br><i>Resolution/<br/>Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Approv<br/>al rate</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 6          | 06/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 19-03-25            | Thông qua việc bầu chức danh Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT<br><i>Election of Chairman and Vice Chairman of the BOD</i>                                                                                                                                                                                                                                           | 100%                                               |
| 7          | 07/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 31-03-25            | Thông qua ngày giao dịch đầu tiên của Trái Phiếu DSEH2426001 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội<br><i>Approving the first trading day of Bond DSEH2426001 at Hanoi Stock Exchange</i>                                                                                                                                                                                | 100%                                               |
| 8          | 08/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 08-04-25            | Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 1 năm 2025<br><i>Approving the implementation of the first 2025 employee stock option issuance plan</i>                                                                                                                                               | 100%                                               |
| 9          | 09/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 08-04-25            | Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 1 năm 2025 và Danh sách cán bộ nhân viên được phân phối cổ phiếu thưởng<br><i>Approving the Regulations on the Issuance of Shares under the Employee Stock Ownership Program Phase 1 2025 and the List of Employees for the Distribution of Bonus Shares</i>                   | 100%                                               |
| 10         | 10/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 08-04-25            | Thông qua việc chấp thuận giao dịch với các bên có liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE<br><i>Approval of Transactions with Related Parties of DNSE Securities Joint Stock Company</i>                                                                                                                                                                      | 100%                                               |
| 11         | 11/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 24-04-25            | Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 và trình tự các lần phát hành cổ phiếu trong năm 2025 của công ty<br><i>Approving the implementation of the plan to issue bonus shares under the option program for employees in 2025 and the order of stock issuance in 2025 of the company</i> | 100%                                               |
| 12         | 12/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 24-04-25            | Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 1                                                                                                                                                                                                                                                                              | 100%                                               |

| Stt<br>No. | Số Nghị<br>quyết/ Quyết<br>định<br><i>Resolution/<br/>Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Approv<br/>al rate</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
|            |                                                                        |                     | năm 2025 và Danh sách cán bộ nhân viên được<br>phân phối cổ phiếu thưởng<br><i>Approving the Regulations on the Issuance of<br/>Shares under the Employee Stock Ownership<br/>Program Phase 1 2025 and the List of Employees<br/>for the Distribution of Bonus Shares</i>                                                                                                                  |                                                    |
| 13         | 13/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 16-05-25            | Thông qua việc triển khai phương án phát hành<br>cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho<br>người lao động năm 2025 và trình tự các lần phát<br>hành cổ phiếu trong năm 2025 của công ty<br><i>Approving the implementation of the plan to issue<br/>bonus shares under the option program for<br/>employees in 2025 and the order of stock<br/>issuance in 2025 of the company</i> | 100%                                               |
| 14         | 14/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 16-05-25            | Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo<br>chương trình lựa chọn cho người lao động lần 1<br>năm 2025 và Danh sách cán bộ nhân viên được<br>phân phối cổ phiếu thưởng<br><i>Approving the Regulations on the Issuance of<br/>Shares under the Employee Stock Ownership<br/>Program Phase 1 2025 and the List of Employees<br/>for the Distribution of Bonus Shares</i>                   | 100%                                               |
| 15         | 15/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 12-06-25            | Thông qua việc chốt danh sách cán bộ nhân viên<br>được phân phối cổ phiếu thưởng theo chương<br>trình lựa chọn cho người lao động lần 1 năm 2025<br><i>Approval of the finalized list employees to receive<br/>bonus shares under the Employee Stock<br/>Ownership Plan first issuance in 2025</i>                                                                                         | 100%                                               |
| 16         | 16/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 23-06-25            | Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ sau khi kết<br>thúc đợt phát hành cổ phiếu thưởng theo chương<br>trình lựa chọn cho người lao động lần 1 năm 2025<br>và sửa đổi Điều lệ Công ty<br><i>Approving the change of charter capital after the<br/>end of the Employee Stock Ownership Plan first<br/>issuance in 2025 and amending the Company<br/>Charter</i>                               | 100%                                               |
| 17         | 17/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 25-06-25            | Lựa chọn đơn vị kiểm toán<br><i>The selection of the audit firm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 100%                                               |

| Stt<br>No. | Số Nghị<br>quyết/ Quyết<br>định<br><i>Resolution/<br/>Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Approval<br/>rate</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 18         | 18/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 01-07-25            | Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại<br>diện pháp luật<br><i>Dismissal of the position of Chief Executive and<br/>legal representative of DNSE</i>                                                                                                                                                                                         | 100%                                              |
| 19         | 19/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 01-07-25            | Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại<br>diện pháp luật<br><i>Appointment of the position of Chief Executive and<br/>legal representative of DNSE</i>                                                                                                                                                                                         | 100%                                              |
| 20         | 20/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 04-07-25            | Chấp thuận và phê duyệt việc thực hiện các công<br>việc theo các văn bản ủy quyền của bà Phạm Thị<br>Thanh Hoa cho các cán bộ nhân viên của DNSE<br><i>Approval and authorization of the performance of<br/>tasks pursuant to the authorization documents<br/>granted by Ms. Pham Thi Thanh Hoa to DNSE<br/>officers and employees.</i>            | 100%                                              |
| 21         | 21/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 07-08-25            | Phê duyệt Phương án phát hành trái phiếu ra<br>công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu<br>được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng và<br>các nội dung có liên quan<br><i>Approval of the public bond issuance plan, the<br/>plan for using and repaying the proceeds from the<br/>public bond offering, and other related matters</i> | 100%                                              |
| 22         | 22/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 07-08-25            | Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra<br>công chúng<br><i>Approval of the public bond offering registration<br/>dossier</i>                                                                                                                                                                                                               | 100%                                              |
| 23         | 23/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 26-08-25            | Bổ nhiệm người phụ trách Quản trị Công ty<br><i>Appointment of the Person in Charge of Corporate<br/>Governance.</i>                                                                                                                                                                                                                               | 100%                                              |
| 24         | 24/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 29-08-25            | Thu hồi cổ phiếu thưởng phát hành theo Chương<br>trình lựa chọn cho người lao động<br><i>Clawback of bonus shares issued under the 1st<br/>ESOP 2025</i>                                                                                                                                                                                           | 100%                                              |
| 25         | 25/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 04-09-25            | Thông qua việc triển khai phương án phát hành<br>cổ phiếu thưởng theo Chương trình lựa chọn cho<br>người lao động lần 2 năm 2025                                                                                                                                                                                                                   | 100%                                              |



| Stt<br>No. | Số Nghị<br>quyết/ Quyết<br>định<br><i>Resolution/<br/>Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Approv<br/>al rate</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
|            |                                                                        |                     | <i>Approving the implementation of the plan to issue bonus shares under the 2<sup>nd</sup> employee stock ownership plan in 2025</i>                                                                                                                                                                                                                    |                                                    |
| 26         | 26/2025/NQ-DNSE-HĐQT                                                   | 04-09-25            | Thông qua quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 2 năm 2025 và Danh sách cán bộ nhân viên được phân phối cổ phiếu thưởng<br><i>Approval of the Regulation on issuance of shares under the 2<sup>nd</sup> employee stock ownership plan in 2025 and the list of employees entitled to distributed bonus shares</i> | 100%                                               |
| 27         | 27/2025/NQ-DNSE-HĐQT                                                   | 09-09-25            | Ban hành sơ đồ tổ chức vận hành<br><i>Issuance of the operational organizational structure.</i>                                                                                                                                                                                                                                                         | 100%                                               |
| 28         | 28/2025/NQ-DNSE-HĐQT                                                   | 09-09-25            | Thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị<br><i>Establishment of the Board of Directors' Office.</i>                                                                                                                                                                                                                                                        | 100%                                               |
| 29         | 29/2025/NQ-DNSE-HĐQT                                                   | 24-09-25            | Thông qua việc chốt danh sách cán bộ nhân viên được phân phối cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho Người lao động Đợt 2 năm 2025<br><i>Approval of the finalized list employees to receive bonus shares under the Employee Stock Ownership Plan Second Issuance in 2025</i>                                                                   | 100%                                               |
| 30         | 30/2025/NQ-DNSE-HĐQT                                                   | 26-09-25            | Thông qua kết quả phát hành, việc thay đổi vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 2 năm 2025 và sửa đổi Điều lệ Công ty<br><i>Approving the change of charter capital after 2<sup>nd</sup> employee stock ownership plan in 2025 and amending the Charter of the Company</i>      | 100%                                               |
| 31         | 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT                                                   | 10-10-25            | Phê duyệt triển khai chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Phương thức thực hiện quyền mua năm 2025<br><i>Approving the detailed implementation of the Share Issuance Plan for Existing Share holders via right offering method in 2025</i>                                                                                   | 100%                                               |



| Stt<br>No. | Số Nghị<br>quyết/ Quyết<br>định<br><i>Resolution/<br/>Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Approv<br/>al rate</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 32         | 32/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 10-10-25            | Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu<br><i>Approval of the Registratin Dossier for the Public Offering of Additional share to existing shareholders</i>                                                                                                                           | 100%                                               |
| 33         | 33/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 28-10-25            | Chốt danh sách người sở hữu Trái phiếu để thực hiện đăng ký chứng khoán tại VSDC và đăng ký niêm yết<br><i>Confirmation of the Bondholder list for the purpose of securities registration at VSDC and listing at HNX</i>                                                                                                      | 100%                                               |
| 34         | 34/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 03-11-25            | Thông qua điều chỉnh chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua năm 2025<br><i>Approving the detailed adjustment of the using capital proceeds from the Share Issuance plan for existing shareholders via rights offering method in 2025</i> | 100%                                               |
| 35         | 35/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 10-11-25            | Thu hồi cổ phiếu thưởng phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025<br><i>Clawback of bonus share issued under the ESOP Programme in 2025</i>                                                                                                                                                            | 100%                                               |
| 36         | 36/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 21-11-25            | Thông qua việc chi trả thù lao HĐQT năm 2025<br><i>Approving the remuneration of the Company's BOD for FY2025</i>                                                                                                                                                                                                             | 100%                                               |
| 37         | 37/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 22-12-25            | Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và lịch thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu<br><i>The record date for finalizing the list of shareholders and the timeline for additional share offering to existing shareholders</i>                                                           | 100%                                               |
| 38         | 38/2025/NQ-<br>DNSE-HĐQT                                               | 24-12-25            | Triển khai tạm ứng cổ tức năm 2025<br><i>Approval 2025 interim cash dividend payment</i>                                                                                                                                                                                                                                      | 100%                                               |

**III. Ban Kiểm soát (Báo cáo năm)**  
*Board of Supervisors (Annual report)*

### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

*Information about members of Board of Supervisors (BOS):*

| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of BOS</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>              | Ngày bắt đầu/không<br>còn là thành viên<br>BKS<br><i>The date<br/>becoming/ceasing to<br/>be the member of<br/>the BOS</i> | Trình độ chuyên<br>môn<br><i>Qualification</i>                               |
|------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Nguyễn Quỳnh Mai                     | Trưởng<br>BKS<br><i>Head of<br/>BOS</i> | 19/04/2023                                                                                                                 | Thạc sỹ Tài chính -<br>Kế toán<br><i>Master of Finance -<br/>Accounting</i>  |
| 2          | Ông Nguyễn Quang Sơn                    | Thành viên<br>BKS<br><i>Member</i>      | 19/03/2025                                                                                                                 | Thạc sỹ Tài chính -<br>Ngân hàng<br><i>Master of Finance<br/>– Banking</i>   |
| 3          | Ông Trần Vĩnh Cửu                       | Thành viên<br>BKS<br><i>Member</i>      | 19/04/2023                                                                                                                 | Cử nhân Tài chính<br>- Ngân hàng<br><i>Bachelor of<br/>Finance – Banking</i> |

### 2. Cuộc họp của BKS

*Meetings of BOS*

| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of BOS</i> | Số buổi họp<br>tham dự<br><i>Number of<br/>meetings<br/>attended</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Tỷ lệ<br>biểu<br>quyết<br><i>Voting<br/>rate</i> | Lý do<br>không<br>tham dự<br>họp<br><i>Reasons<br/>for<br/>absence</i> |
|------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Nguyễn Quỳnh Mai                     | 2/2                                                                  | 100%                                               | 100%                                             |                                                                        |
| 2          | Ông Nguyễn Quang Sơn                    | 2/2                                                                  | 100%                                               | 100%                                             |                                                                        |
| 3          | Ông Trần Vĩnh Cửu                       | 2/2                                                                  | 100%                                               | 100%                                             |                                                                        |

### 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

*Supervising BOD, Board of Management and shareholders by BOS*

BKS đã tham gia các phiên họp thường kỳ /theo yêu cầu của HĐQT và các cuộc họp giao ban của Ban Tổng giám đốc để cập nhật tình hình hoạt động của Công ty.

*The BOS has participated in the regular/ requested meetings of the BOD and the management meetings of the Board of Management to stay updated on the Company's operations.*

Trong năm 2025, BKS đã thực hiện một số hoạt động sau:

*In 2025, the BOS has overseen the following main activities:*

- Tham dự và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.  
*Attended and reported at the 2025 Annual General Shareholders' Meeting.*
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai nghị quyết ĐHCĐ của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.  
*Monitored and supervised the activities of the BOD and the BOM to implement the resolutions of the Annual General Shareholders' Meeting, ensuring compliance with legal regulations and the Company's Charter.*
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty và việc công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định liên quan.  
*Monitored the Company's financial situation and information disclosure in accordance with Securities Law and related regulations.*
- Trực tiếp theo dõi hoạt động và việc tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác.  
*Directly monitored the activities and legal compliance of the members of the BOD, the Chief Executive Officer, and other managers.*

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác**

*The coordination among the BOS, the Board of Management, BOD and other managers:*

- BKS đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT thông qua việc được cung cấp đầy đủ và rõ ràng những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng như quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp HĐQT. HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã phối hợp cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của DNSE một cách đầy đủ, kịp thời khi có yêu cầu, phục vụ cho việc kiểm soát của BKS.  
*The BOS closely coordinated with the BOD to be provided the information by providing thorough and clear information about business activities and corporate governance during BOD meetings. The BOD and the Board of Management have provided comprehensive and timely information on the company's management, administration, and business operations in response to requests, to support the BOS's overseen responsibility.*
- Trong quá trình phối hợp, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã cởi mở lắng nghe các kiến nghị của BKS để cùng trao đổi, phân tích và thống nhất đưa ra quyết định tối ưu nhất cho cho tất cả các bên liên quan.  
*During the coordination process, the BOD and the Board of Management have been open to listening to the recommendations of the BOS, discussion, analyzing to make the best decisions for all related parties.*

**5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có**

*Other activities of the BOS (if any): N/A*

**IV. Ban điều hành**

*Board of Management (BOM)*



| STT<br>No. | Thành viên<br>Ban điều hành<br><i>Members of BOM</i>                                                                                                 | Ngày<br>tháng năm<br>sinh<br><i>Date of<br/>birth</i> | Trình độ<br>chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                                                                             | Ngày bổ nhiệm/ miễn<br>nhiệm thành viên Ban<br>điều hành<br><i>Date of appointment /<br/>dismissal of members of<br/>the BOM</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Nguyễn Ngọc Linh<br>Tổng giám đốc & Người<br>đại diện theo pháp luật<br><i>Position: Chief Executive<br/>Officer and Legal<br/>Representative</i> | 03/06/1985                                            | Cử nhân<br>chuyên ngành<br>Kinh doanh<br><i>Bachelor of<br/>Business</i>                                                                   | 01/07/2025<br>(Bổ nhiệm)<br>(Appointment)                                                                                        |
| 2          | Ông Phan Nguyễn Hữu<br>Phương<br>Giám đốc Chi nhánh<br>Hồ Chí Minh<br><i>Position: Director of<br/>Ho Chi Minh branch</i>                            | 05/07/1986                                            | Thạc sỹ<br>tài chính<br>ngân hàng<br><i>Master of<br/>Finance -<br/>Banking</i>                                                            | 13/03/2024<br>(Bổ nhiệm)<br>(Appointment)                                                                                        |
| 3          | Ông Nguyễn Hoàng Việt<br>Phó Tổng giám đốc<br><i>Position: Deputy Chief<br/>Executive Officer</i>                                                    | 03/10/1981                                            | Thạc sỹ<br>tài chính<br><i>Master of<br/>Finance</i>                                                                                       | 09/07/2024<br>(Bổ nhiệm)<br>(Appointment)                                                                                        |
| 4          | Bà Nguyễn Thị Hà Ninh<br>Giám đốc Tài chính<br><i>Position: Chief Finance<br/>Officer</i>                                                            | 10/08/1977                                            | Thạc sĩ Tài<br>chính Doanh<br>nghiệp và Kiểm<br>soát Quản lý<br><i>Master of<br/>Corporate<br/>Finance and<br/>Management<br/>Control.</i> | 02/01/2025<br>(Bổ nhiệm)<br>(Appointment)                                                                                        |

#### V. Kế toán trưởng

*Chief Accountant*

| Họ và tên<br><i>Name</i> | Ngày tháng<br>năm sinh<br><i>Date of<br/>birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp<br>vụ<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm<br><i>Date of<br/>appointment/<br/>dismissal</i> |
|--------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị<br>Duyên   | 14/06/1986                                         | Cử nhân Quản trị kinh doanh                              | 13/7/2020<br>(Bổ nhiệm)                                                       |

|  |  |                                        |               |
|--|--|----------------------------------------|---------------|
|  |  | Bachelor of Business<br>Administration | (Appointment) |
|--|--|----------------------------------------|---------------|

## VI. Đào tạo về quản trị công ty

*Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance were involved by members of BOD, the BOS, Director (Chief Executive Officer), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

Đa số các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Người phụ trách quản trị công ty đã hoàn thành các khóa đào tạo về quản trị công ty và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp chứng chỉ theo quy định, và sẽ tiếp tục tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

*Most of the BOD, CEO, and Corporate Governance Officer have completed the Corporate Governance Training Course and have obtained regulatory certificates issued by SSC, they will continue to participate in training courses on corporation governance in accordance with legal regulations and as required by state competent authorities (if any).*

## VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

*The list of affiliated persons of the public company (Semiannual report) and transactions of affiliated persons of the Company*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: Theo Phụ lục I đính kèm

*The list of affiliated persons of the Company: Please see attached Appendix I.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Theo Phụ lục III đính kèm

*Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: Please see attached Appendix III.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: N/A.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

*Transactions between the Company and the company that its members of BOM, the BOS, Director (General Director) have been founding members or members of BOD, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):*

| STT<br>No. | Tên tổ chức<br>Organization | Mối quan hệ<br>Relationship                                                                                                     | Giao dịch<br>Transactions                           | Thời điểm giao dịch<br>với Công ty/Time of<br>transaction with<br>Company |
|------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Công ty cổ<br>phần Wigroup  | Bà Nguyễn Ngọc Linh –<br>TGD, người đại diện<br>theo pháp luật của<br>DNSE là thành viên<br>HĐQT của Công ty cổ<br>phần Wigroup | Chi phí mua hàng<br>hóa dịch vụ:<br>342.200.000 VNĐ | 01/01/2025 –<br>31/12/2025                                                |

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of BOD, BOS, Director General Director) and other managers as a member of BOD, Director (General Director or CEO): N/A.*

4.2. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có.

*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of BOD, members of the BOS, Director (General Director) and other managers): N/A.*

#### VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Seminnual report)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: Theo Phụ lục II đính kèm

*The list of internal persons and their affiliated persons: Please see attached Appendix II.*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Theo Phụ lục IV đính kèm

*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: Please see attached Appendix IV.*

#### IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không có (N/A)

#### Nơi nhận/ Recipients:

- CBTT (Disclosures);
- HĐQT, BKS (BODs, BOSs);
- Lưu: VPHĐQT  
(Archived: BOD's Office).

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
DNSE  
NGUYỄN HOÀNG GIANG



PHỤ LỤC I

APPENDIX I

**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY**  
**THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY**

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE năm 2025)

Attached Report on Corporate Governance 2025

Tại ngày 31/12/2025 / As of 31 December 2025



| STT<br>No. | Tên tổ chức/<br>cá nhân<br>Name of organiza<br>tion/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br>Position at the<br>Company (if any)                                                   | Số Giấy NSH*, ngày cấp,<br>nơi cấp<br>NSH No. *, date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br>Time of starting<br>to be affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/<br>Relationship with<br>the Company |
|------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1.         | Nguyễn Hoàng<br>Giang                                          |                                                                                          | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of BOD                                                                                         |                                                                                   |                                                     | 07/07/2020                                                                                      |                                                                                                       |                  | Người nội bộ<br>Internal Persons                                             |
| 2.         | Lê Anh Tuấn                                                    |                                                                                          | Phó Chủ tịch<br>HĐQT<br>Vice Chairman of<br>BOD                                                                          |                                                                                   |                                                     | 07/07/2020                                                                                      |                                                                                                       |                  | Người nội bộ<br>Internal Persons                                             |
| 3.         | Phạm Thị Thanh<br>Hoa                                          |                                                                                          | Thành viên HĐQT<br>kiêm Người phụ<br>trách quản trị công<br>ty<br>BOD members<br>cum Corporate<br>Governance<br>Officers |                                                                                   |                                                     | 07/07/2020                                                                                      |                                                                                                       |                  | Người nội bộ<br>Internal Persons                                             |
| 4.         | Nguyễn Thị Hà<br>Ninh                                          |                                                                                          | Thành viên HĐQT<br>kiêm Giám đốc Tài<br>chính<br>BOD members<br>cum Chief Finance<br>Officer                             |                                                                                   |                                                     | 19/04/2022                                                                                      |                                                                                                       |                  | Người nội bộ<br>Internal Persons                                             |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/<br>cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities trading<br/>account (if any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Company (if any)</i>                          | Số Giấy NSH*, ngày cấp,<br>nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of starting<br/>to be affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan<br><i>Time of<br/>ending to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/<br><i>Relationship with<br/>the Company</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 5.         | Bùi Anh Dũng                                                      |                                                                                                  | Thành viên HĐQT<br><i>BOD members</i>                                                                   |                                                                                           |                                                            | 10/08/2023                                                                                               |                                                                                                                 |                         | Người nội bộ<br><i>Internal Persons</i>                                              |
| 6.         | Nguyễn Quỳnh Mai                                                  |                                                                                                  | Trưởng Ban kiểm<br>soát<br><i>Head of BOS</i>                                                           |                                                                                           |                                                            | 19/04/2023                                                                                               |                                                                                                                 |                         | Người nội bộ<br><i>Internal Persons</i>                                              |
| 7.         | Nguyễn Quang Sơn                                                  |                                                                                                  | Thành viên Ban<br>kiểm soát<br><i>BOS Member</i>                                                        |                                                                                           |                                                            | 07/07/2020                                                                                               |                                                                                                                 |                         | Người nội bộ<br><i>Internal Persons</i>                                              |
| 8.         | Trần Vĩnh Cửu                                                     |                                                                                                  | Thành viên Ban<br>kiểm soát<br><i>BOS Member</i>                                                        |                                                                                           |                                                            | 19/04/2023                                                                                               |                                                                                                                 |                         | Người nội bộ<br><i>Internal Persons</i>                                              |
| 9.         | Nguyễn Ngọc Linh                                                  |                                                                                                  | Tổng Giám đốc<br><i>Chief Executive<br/>Officer</i>                                                     |                                                                                           |                                                            | 01/07/2025                                                                                               |                                                                                                                 |                         | Người nội bộ<br><i>Internal Persons</i>                                              |
| 10.        | Nguyễn Hoàng Việt                                                 |                                                                                                  | Phó Tổng giám<br>đốc<br><i>Deputy CEO</i>                                                               |                                                                                           |                                                            | 09/07/2024                                                                                               |                                                                                                                 |                         | Người nội bộ<br><i>Internal Persons</i>                                              |
| 11.        | Nguyễn Thị Duyên                                                  |                                                                                                  | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i>                                                               |                                                                                           |                                                            | 14/07/2020                                                                                               |                                                                                                                 |                         | Người nội bộ<br><i>Internal Persons</i>                                              |
| 12.        | Nguyễn Thị Hường                                                  |                                                                                                  | Người được ủy<br>quyền công bố<br>thông tin<br><i>Person authorized<br/>to disclose<br/>information</i> |                                                                                           |                                                            | 08/07/2024                                                                                               |                                                                                                                 |                         | Người nội bộ<br><i>Internal Persons</i>                                              |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/<br>cá nhân<br>Name of organiza-<br>tion/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br>Position at the<br>Company (if any)  | Số Giấy NSH*, ngày cấp,<br>nơi cấp<br>NSH No. *, date of issue,<br>place of issue          | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                         | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br>Time of starting<br>to be affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/<br>Relationship with<br>the Company |
|------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 13.        | Phan Nguyễn Hữu<br>Phương                                       |                                                                                          | Giám đốc Chi<br>nhánh Hồ Chí<br>Minh<br>Director of<br>Hochiminh Branch |                                                                                            |                                                                                                             | 13/03/2024                                                                                      |                                                                                                       |                  | Người nội bộ<br>Internal Persons                                             |
| 14.        | Dương Thu Trang                                                 |                                                                                          | Trưởng Ban kiểm<br>toán nội bộ<br>Head of Internal<br>Audit             |                                                                                            |                                                                                                             | 21/08/ 2024                                                                                     |                                                                                                       |                  | Người nội bộ<br>Internal Persons                                             |
| 15.        | Công ty Cổ phần<br>Công nghệ Tài<br>chính Encapital             |                                                                                          |                                                                         | 0108400691 cấp lần đầu<br>ngày 09/08/2018 bởi Sở Kế<br>hoạch và Đầu tư thành phố<br>Hà Nội | Số 46 Ngô Quyền,<br>Phường Cửa Nam, Hà<br>Nội                                                               | 07/07/2020                                                                                      |                                                                                                       |                  | Công ty mẹ - Cổ<br>đồng lớn<br>Parent Company<br>-Major<br>Shareholders      |
| 16.        | Công ty Cổ phần<br>Encapital Holdings                           |                                                                                          |                                                                         | 0109201071 cấp lần đầu<br>ngày 29/05/2020 bởi Sở Kế<br>hoạch và Đầu tư thành phố<br>Hà Nội | Số 46 Ngô Quyền,<br>Phường Cửa Nam, Hà<br>Nội                                                               | 07/7/2020                                                                                       |                                                                                                       |                  | Cổ đồng lớn<br>Major<br>Shareholders                                         |
| 17.        | PYN ELITE FUND<br>(NON-UCITS)                                   |                                                                                          |                                                                         | CA5604 cấp ngày<br>15/12/2011 bởi Tổng công<br>ty Lưu ký và Bù trừ chứng<br>khoán Việt Nam | C/O PYN Fund<br>Management Ltd, PL 139<br>00101, Helsinki, Finland                                          | 30/01/2024                                                                                      |                                                                                                       |                  | Cổ đồng lớn<br>Major<br>Shareholders                                         |
| 18.        | Công ty Cổ phần<br>Thanh toán Enpay                             |                                                                                          |                                                                         | 0109266470 cấp lần đầu<br>ngày 14/7/2020 bởi Sở Kế<br>hoạch và Đầu tư thành phố<br>Hà Nội  | Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky,<br>số 63-65 Ngô Thị Nhậm,<br>Phường Hai Bà Trưng,<br>Thành phố Hà Nội, Việt<br>Nam | 23/12/2024                                                                                      |                                                                                                       |                  | Công ty con của<br>Công ty mẹ<br>Subsidiary of the<br>Parent Company         |
| 19.        | Công ty TNHH<br>Thanh toán PayX                                 |                                                                                          |                                                                         | 0107397069 cấp lần đầu<br>ngày 13/4/2016 bởi Sở Kế                                         | Tầng 4, Tòa nhà Pax Sky,<br>số 63-65 Ngô Thị Nhậm,<br>Phường Hai Bà Trưng,                                  | 23/12/2024                                                                                      |                                                                                                       |                  | Công ty con của<br>tổ chức có liên<br>quan                                   |



| STT<br>No. | Tên tổ chức/<br>cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities trading<br/>account (if any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp,<br>nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of starting<br/>to be affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan<br><i>Time of<br/>ending to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/<br><i>Relationship with<br/>the Company</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                   |                                                                                                  |                                                                                | hoạch và Đầu tư thành phố<br>Hà Nội                                                       | Thành phố Hà Nội, Việt<br>Nam                              |                                                                                                          |                                                                                                                 |                         | <i>Subsidiary of the<br/>related company</i>                                         |

*Ghi chú/Note:*

*Số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/*

*NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations)*



PHỤ LỤC II

APPENDIX II

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE năm 2025)

Attached 2025 Report on Corporate Governance

Tại ngày 31/12/2025 /As of 31 December 2025



| Stt No. | Mã CK | Họ tên Name        | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with internal person | Loại hình Giấy NSH (CMND/Passpor t/Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) Reasons | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|---------|-------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1       | 2     | 3                  |                                                                              | 5                                                             | 6                                                                  | 7                                             |                         |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                                                                   | 14                                                                                                         | 15                                                                                                         | 16                                                                | 17                                                         |
| 1       | DSE   | Nguyễn Hoàng Giang |                                                                              | Chủ tịch HĐQT                                                 |                                                                    | CC                                            |                         |                        |                        |                                               | 2,723,280                                                                  | 0.79%                                                                                | 7/7/2020                                                                                                   |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 1.1.    | DSE   | Nguyễn Hoàng Giáp  |                                                                              |                                                               | Bố đẻ                                                              | Không có                                      |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      | 7/7/2020                                                                                                   |                                                                                                            |                                                                   | Đã mất                                                     |
| 1.2.    | DSE   | Vũ Mai Lan         |                                                                              |                                                               | Mẹ đẻ                                                              | CCCD                                          |                         |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                                                                    | 7/7/2020                                                                                                   |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 1.3.    | DSE   | Đào Việt Trung     |                                                                              |                                                               | Bố vợ                                                              | CCCD                                          |                         |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                                                                    | 7/7/2020                                                                                                   |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |

|       |     |                                               |  |  |                      |          |  |  |  |  |             |       |            |  |  |         |
|-------|-----|-----------------------------------------------|--|--|----------------------|----------|--|--|--|--|-------------|-------|------------|--|--|---------|
|       |     |                                               |  |  |                      |          |  |  |  |  |             |       |            |  |  |         |
| 1.4.  | DSE | Nguyễn Thị Minh Hải                           |  |  | Mẹ vợ                | CCCD     |  |  |  |  | 0           | 0     | 7/7/2020   |  |  |         |
| 1.5.  | DSE | Đào Việt Nga                                  |  |  | Vợ                   | CCCD     |  |  |  |  | 0           | 0     | 7/7/2020   |  |  |         |
| 1.6.  | DSE | Nguyễn Huyền Trang                            |  |  | Em ruột              | CCCD     |  |  |  |  | 0           | 0     | 7/7/2020   |  |  |         |
| 1.7.  | DSE | Nguyễn Đào Mỹ Dung                            |  |  | Con                  | Không có |  |  |  |  | 0           | 0     | 7/7/2020   |  |  | Còn nhỏ |
| 1.8.  | DSE | Nguyễn Đào Mỹ An                              |  |  | Con                  | Không có |  |  |  |  | 0           | 0     | 7/7/2020   |  |  | Còn nhỏ |
| 1.9.  | DSE | Nguyễn Đào Mỹ Anh                             |  |  | Con                  | Không có |  |  |  |  | 0           | 0     | 7/7/2020   |  |  | Còn nhỏ |
| 1.10. | DSE | Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital |  |  | Tổ chức có liên quan | ĐKKD     |  |  |  |  | 168,300,000 | 49.1% | 7/7/2020   |  |  |         |
| 1.11. | DSE | Công ty Cổ phần Encapital Holdings            |  |  | Tổ chức có liên quan | ĐKKD     |  |  |  |  | 33,000,000  | 9.6%  | 7/7/2020   |  |  |         |
| 1.12. | DSE | Công ty Cổ phần Thanh toán Enpay              |  |  | Tổ chức có liên quan | ĐKKD     |  |  |  |  | 0           | 0     | 23/12/2024 |  |  |         |



|       |     |                                               |  |                   |                      |      |  |  |  |  |           |       |           |  |  |  |
|-------|-----|-----------------------------------------------|--|-------------------|----------------------|------|--|--|--|--|-----------|-------|-----------|--|--|--|
| 1.13. | DSE | Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS) |  |                   | Tổ chức có liên quan | ĐKKD |  |  |  |  | 0         | 0     | 7/7/2020  |  |  |  |
| 1.14. | DSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah 1               |  |                   | Tổ chức có liên quan | ĐKKD |  |  |  |  | 0         | 0     | 15/6/2022 |  |  |  |
| 1.15. | DSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG      |  |                   | Tổ chức có liên quan | ĐKKD |  |  |  |  | 0         | 0     | 7/7/2020  |  |  |  |
| 2.    | DSE | Lê Anh Tuấn                                   |  | Phó Chủ tịch HĐQT |                      | CC   |  |  |  |  | 2,715,760 | 0.79% | 7/7/2020  |  |  |  |
| 2.1.  | DSE | Lê Văn Lành                                   |  |                   | Bố đẻ                | CCCD |  |  |  |  | 0         | 0     | 7/7/2020  |  |  |  |
| 2.2.  | DSE | Phạm Lê Anh Thư                               |  |                   | Mẹ đẻ                | CC   |  |  |  |  | 0         | 0     | 7/7/2020  |  |  |  |

|       |     |                                    |  |                                      |                      |          |  |  |  |  |            |       |          |  |  |         |
|-------|-----|------------------------------------|--|--------------------------------------|----------------------|----------|--|--|--|--|------------|-------|----------|--|--|---------|
| 2.3.  | DSE | Phạm Đức Vượng                     |  |                                      | Bố vợ                | CCCD     |  |  |  |  | 0          | 0     | 7/7/2020 |  |  |         |
| 2.4.  | DSE | Đặng Bích Thuận                    |  |                                      | Mẹ vợ                | CCCD     |  |  |  |  | 0          | 0     | 7/7/2020 |  |  |         |
| 2.5.  | DSE | Phạm Minh Hồng                     |  |                                      | Vợ                   | CCCD     |  |  |  |  | 0          | 0     | 7/7/2020 |  |  |         |
| 2.6.  | DSE | Lê Phương Thảo                     |  |                                      | Chị ruột             | CCCD     |  |  |  |  | 0          | 0     | 7/7/2020 |  |  |         |
| 2.7.  | DSE | Nguyễn Hoàng Linh                  |  |                                      | Anh rể               | CCCD     |  |  |  |  | 0          | 0     | 7/7/2020 |  |  |         |
| 2.8.  | DSE | Lê Tuấn Minh                       |  |                                      | Con                  | Hộ chiếu |  |  |  |  | 0          | 0     | 7/7/2020 |  |  | Còn nhỏ |
| 2.9.  | DSE | Lê Hiếu Minh                       |  |                                      | Con                  | Hộ chiếu |  |  |  |  | 0          | 0     | 7/7/2020 |  |  | Còn nhỏ |
| 2.10. | DSE | Công ty Cổ phần Encapital Holdings |  |                                      | Tổ chức có liên quan | ĐKKD     |  |  |  |  | 33,000,000 | 9.6%  | 7/7/2020 |  |  |         |
| 3.    | DSE | Phạm Thị Thanh Hoa                 |  | Thành viên HĐQT kiêm Người phụ trách |                      | CC       |  |  |  |  | 288,710    | 0.08% | 7/7/2020 |  |  |         |

|      |     |                                        |  | quản trị<br>Công ty |                         |          |  |  |  |  |   |   |            |  |  |        |
|------|-----|----------------------------------------|--|---------------------|-------------------------|----------|--|--|--|--|---|---|------------|--|--|--------|
| 3.1. | DSE | Phạm Văn<br>Khánh                      |  |                     | Bố đẻ                   | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 7/7/2020   |  |  |        |
| 3.2. | DSE | Nguyễn Thị<br>Sinh                     |  |                     | Mẹ đẻ                   | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 7/7/2020   |  |  |        |
| 3.3. | DSE | Nguyễn<br>Ngọc Đông                    |  |                     | Bố chồng                | Không có |  |  |  |  |   |   | 7/7/2020   |  |  | Đã mất |
| 3.4. | DSE | Trần Thị<br>Vân Anh                    |  |                     | Mẹ chồng                | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 7/7/2020   |  |  |        |
| 3.5. | DSE | Nguyễn<br>Nam Trung                    |  |                     | Chồng                   | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 7/7/2020   |  |  |        |
| 3.6. | DSE | Phạm Quốc<br>Đạt                       |  |                     | Em trai                 | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 7/7/2020   |  |  |        |
| 3.7. | DSE | Nguyễn<br>Thanh Vân                    |  |                     | Con                     | CC       |  |  |  |  | 0 | 0 | 7/7/2020   |  |  |        |
| 3.8. | DSE | Nguyễn<br>Thanh Mai                    |  |                     | Con                     | CC       |  |  |  |  | 0 | 0 | 7/7/2020   |  |  |        |
| 3.9. | DSE | Công ty Cổ<br>phần Thanh<br>toán Enpay |  |                     | Tổ chức có<br>liên quan | ĐKKD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 30/06/2025 |  |  |        |



|      |     |                    |  |                                         |          |      |  |  |  |  |         |       |            |  |  |  |
|------|-----|--------------------|--|-----------------------------------------|----------|------|--|--|--|--|---------|-------|------------|--|--|--|
| 4.   | DSE | Nguyễn Thị Hà Ninh |  | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Tài chính |          | CCCD |  |  |  |  | 372,600 | 0.11% | 19/04/2022 |  |  |  |
| 4.1. | DSE | Nguyễn Văn Định    |  |                                         | Bố đẻ    | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2022 |  |  |  |
| 4.2. | DSE | Khổng Thị Lâm      |  |                                         | Mẹ đẻ    | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2022 |  |  |  |
| 4.3. | DSE | Cao Tuy            |  |                                         | Bố chồng | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2022 |  |  |  |
| 4.4. | DSE | Nguyễn Thị Sánh    |  |                                         | Mẹ chồng | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2022 |  |  |  |
| 4.5. | DSE | Cao Sơn Hải        |  |                                         | Chồng    | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2022 |  |  |  |

CÔNG TY CỔ PHẦN
   
 PHÁP

|       |     |                  |  |  |          |          |  |  |  |  |   |   |            |  |  |         |
|-------|-----|------------------|--|--|----------|----------|--|--|--|--|---|---|------------|--|--|---------|
| 4.6.  | DSE | Nguyễn Công Minh |  |  | Anh trai | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 19/04/2022 |  |  |         |
| 4.7.  | DSE | Trương Minh Ngọc |  |  | Chị dâu  | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 19/04/2022 |  |  |         |
| 4.8.  | DSE | Nguyễn Văn Đỉnh  |  |  | Em trai  | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 19/04/2022 |  |  |         |
| 4.9.  | DSE | Vũ Thế Phú       |  |  | Em rể    | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 19/04/2022 |  |  |         |
| 4.10. | DSE | Nguyễn Thị Huệ   |  |  | Em gái   | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 19/04/2022 |  |  |         |
| 4.11. | DSE | Cao Nguyên Khánh |  |  | Con      | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 19/04/2022 |  |  |         |
| 4.12. | DSE | Cao Khánh Nguyên |  |  | Con      | Không có |  |  |  |  | 0 | 0 | 19/04/2022 |  |  | Còn nhỏ |



|       |     |                                                           |  |                       |                         |      |  |  |  |  |             |       |            |  |  |  |
|-------|-----|-----------------------------------------------------------|--|-----------------------|-------------------------|------|--|--|--|--|-------------|-------|------------|--|--|--|
| 4.13. | DSE | Công ty CP<br>Xây dựng<br>và Năng<br>lượng VCP            |  |                       | Tổ chức có<br>liên quan | ĐKKD |  |  |  |  | 0           | 0     | 19/04/2022 |  |  |  |
| 4.14. | DSE | Tổng Công<br>ty cổ phần<br>Bưu điện                       |  |                       | Tổ chức có<br>liên quan | ĐKKD |  |  |  |  | 0           | 0     | 19/04/2022 |  |  |  |
| 4.15. | DSE | Công ty Cổ<br>phần Công<br>nghệ Tài<br>chính<br>Encapital |  |                       | Tổ chức có<br>liên quan | ĐKKD |  |  |  |  | 168,300,000 | 49.1% | 19/04/2022 |  |  |  |
| 4.16. | DSE | Công ty Cổ<br>phần<br>Encapital<br>Holdings               |  |                       | Tổ chức có<br>liên quan | ĐKKD |  |  |  |  | 33,000,000  | 9.6%  | 19/04/2022 |  |  |  |
| 5.    | DSE | Bùi Anh<br>Dũng                                           |  | Thành<br>viên<br>HĐQT |                         | CCCD |  |  |  |  | 300,000     | 0.09% | 10/8/2023  |  |  |  |
| 5.1.  | DSE | Bùi Như Tứ                                                |  |                       | Bố đẻ                   | CCCD |  |  |  |  | 0           | 0%    | 10/8/2023  |  |  |  |
| 5.2.  | DSE | Lê Văn Anh                                                |  |                       | Mẹ đẻ                   | CCCD |  |  |  |  | 0           | 0%    | 10/8/2023  |  |  |  |



|      |     |                                 |  |                      |                      |          |  |  |  |  |         |       |            |  |  |         |
|------|-----|---------------------------------|--|----------------------|----------------------|----------|--|--|--|--|---------|-------|------------|--|--|---------|
|      |     |                                 |  |                      |                      |          |  |  |  |  |         |       |            |  |  |         |
| 5.3. | DSE | Nguyễn Anh Tú                   |  |                      | Bố vợ                | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0%    | 10/8/2023  |  |  |         |
| 5.4. | DSE | Vũ Thị Ninh                     |  |                      | Mẹ vợ                | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0%    | 10/8/2023  |  |  |         |
| 5.5. | DSE | Nguyễn Thị Vân Anh              |  |                      | Vợ                   | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0%    | 10/8/2023  |  |  |         |
| 5.6. | DSE | Bùi Anh Thư                     |  |                      | Con                  | Không có |  |  |  |  | 0       | 0%    | 10/8/2023  |  |  | Còn nhỏ |
| 5.7. | DSE | Bùi Ánh Mai                     |  |                      | Con                  | Không có |  |  |  |  | 0       | 0%    | 10/8/2023  |  |  | Còn nhỏ |
| 5.8. | DSE | Công ty TNHH AhaSlides Việt Nam |  |                      | Tổ chức có liên quan | ĐKKD     |  |  |  |  | 0       | 0%    | 10/8/2023  |  |  |         |
| 6.   | DSE | Nguyễn Quỳnh Mai                |  | Trưởng Ban Kiểm soát |                      | CCCD     |  |  |  |  | 107,912 | 0.03% | 19/04/2023 |  |  |         |
| 6.1. | DSE | Nguyễn Văn Bách                 |  |                      | Bố đẻ                | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |         |
| 6.2. | DSE | Vũ Thị Luyến                    |  |                      | Mẹ đẻ                | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |         |

|       |     |                   |  |                          |          |          |  |  |  |  |         |       |            |  |  |         |
|-------|-----|-------------------|--|--------------------------|----------|----------|--|--|--|--|---------|-------|------------|--|--|---------|
| 6.3.  | DSE | Phạm Xuân Kha     |  |                          | Bố chồng | Không có |  |  |  |  |         |       | 19/04/2023 |  |  | Đã mất  |
| 6.4.  | DSE | Đỗ Thị Oanh       |  |                          | Mẹ chồng | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |         |
| 6.5.  | DSE | Phạm Việt Quang   |  |                          | Chồng    | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |         |
| 6.6.  | DSE | Nguyễn Thành Long |  |                          | Em ruột  | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |         |
| 6.7.  | DSE | Nguyễn Tất Thắng  |  |                          | Em rể    | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |         |
| 6.8.  | DSE | Trần Thực Anh     |  |                          | Em dâu   | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |         |
| 6.9.  | DSE | Phạm Quỳnh Chi    |  |                          | Con      | Không có |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  | Còn nhỏ |
| 6.10. | DSE | Phạm Minh Khang   |  |                          | Con      | Không có |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  | Còn nhỏ |
| 6.11. | DSE | Phạm Minh Quân    |  |                          | Con      | Không có |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  | Còn nhỏ |
| 7.    | DSE | Nguyễn Quang Sơn  |  | Thành viên Ban Kiểm soát |          | CCCD     |  |  |  |  | 133,210 | 0.04% | 7/7/2020   |  |  |         |
| 7.1.  | DSE | Nguyễn Tư Phóng   |  |                          | Bố đẻ    | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 7/7/2020   |  |  |         |
| 7.2.  | DSE | Hồ Thu Thủy       |  |                          | Mẹ đẻ    | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 7/7/2020   |  |  |         |
| 7.3.  | DSE | Trịnh Anh Tuấn    |  |                          | Bố vợ    | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 7/7/2020   |  |  |         |

|      |     |                   |  |                          |        |      |  |  |  |  |         |       |            |  |  |  |
|------|-----|-------------------|--|--------------------------|--------|------|--|--|--|--|---------|-------|------------|--|--|--|
| 7.4. | DSE | Vũ Kim Dung       |  |                          | Mẹ vợ  | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 7/7/2020   |  |  |  |
| 7.5. | DSE | Trịnh Thu Trang   |  |                          | Vợ     | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 7/7/2020   |  |  |  |
| 7.6. | DSE | Nguyễn Thu Hương  |  |                          | Em gái | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 7/7/2020   |  |  |  |
| 7.7. | DSE | Nguyễn Minh Đức   |  |                          | Em rể  | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 7/7/2020   |  |  |  |
| 7.8. | DSE | Nguyễn Quỳnh Chi  |  |                          | Con    | CC   |  |  |  |  | 0       | 0     | 7/7/2020   |  |  |  |
| 7.9. | DSE | Nguyễn Khánh Linh |  |                          | Con    | CC   |  |  |  |  | 0       | 0     | 7/7/2020   |  |  |  |
| 8.   | DSE | Trần Vĩnh Cửu     |  | Thành viên Ban Kiểm soát |        | CCCD |  |  |  |  | 155,570 | 0.05% | 19/04/2023 |  |  |  |
| 8.1. | DSE | Trần Thị Miên     |  |                          | Mẹ đẻ  | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |  |
| 8.2. | DSE | Nguyễn Văn Tịnh   |  |                          | Bố vợ  | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |  |
| 8.3. | DSE | Hoàng Quỳnh Dư    |  |                          | Mẹ vợ  | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |  |



|      |     |                       |  |               |          |      |  |  |  |  |         |       |            |  |  |  |
|------|-----|-----------------------|--|---------------|----------|------|--|--|--|--|---------|-------|------------|--|--|--|
| 8.4. | DSE | Nguyễn Thị Thủy Trang |  |               | Vợ       | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |  |
| 8.5. | DSE | Trần Như Toàn         |  |               | Anh trai | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |  |
| 8.6. | DSE | Bùi Thị Hoàng Điệp    |  |               | Chị dâu  | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 19/04/2023 |  |  |  |
| 8.7. | DSE |                       |  |               | Con      |      |  |  |  |  |         |       | 19/04/2023 |  |  |  |
| 9    | DSE | Nguyễn Ngọc Linh      |  | Tổng Giám đốc |          | CC   |  |  |  |  | 186,600 | 0.05% | 01/07/2025 |  |  |  |
| 9.1. | DSE | Nguyễn Tiến Liên      |  |               | Bố đẻ    | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     | 1/7/2025   |  |  |  |
| 9.2. | DSE | Đặng Thị Hời          |  |               | Mẹ đẻ    | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     |            |  |  |  |
| 9.3. | DSE | Nguyễn Phá            |  |               | Bố chồng | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     |            |  |  |  |
| 9.4. | DSE | Đào Mỹ Ngọc           |  |               | Mẹ chồng | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     |            |  |  |  |
| 9.5. | DSE | Nguyễn Tiến Anh       |  |               | Em ruột  | CCCD |  |  |  |  | 0       | 0     |            |  |  |  |

|       |     |                   |  |                   |        |          |  |  |  |  |         |       |            |  |  |        |
|-------|-----|-------------------|--|-------------------|--------|----------|--|--|--|--|---------|-------|------------|--|--|--------|
|       |     |                   |  |                   |        |          |  |  |  |  |         |       |            |  |  |        |
| 9.6.  | DSE | Nguyễn Thanh An   |  |                   | Em dâu | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     |            |  |  |        |
| 9.7.  | DSE | Nguyễn Xuân Phong |  |                   | Chồng  | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     |            |  |  |        |
| 9.8.  | DSE | Nguyễn Ngọc Diệp  |  |                   | Con    | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     |            |  |  |        |
| 9.9   | DSE | Nguyễn Minh Châu  |  |                   | Con    | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     |            |  |  |        |
| 10    | DSE | Nguyễn Hoàng Việt |  | Phó Tổng Giám đốc |        | CCCD     |  |  |  |  | 292,900 | 0.09% | 09/07/2024 |  |  |        |
| 10.1. | DSE | Nguyễn Việt Tuấn  |  |                   | Bố đẻ  | Không có |  |  |  |  |         |       | 09/07/2024 |  |  | Đã mất |
| 10.2. | DSE | Ngô Thị Hiền      |  |                   | Mẹ đẻ  | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 09/07/2024 |  |  |        |
| 10.3. | DSE | Nguyễn Khắc Tiếp  |  |                   | Bố vợ  | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 09/07/2024 |  |  |        |
| 10.4. | DSE | Phạm Thị Nhung    |  |                   | Mẹ vợ  | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 09/07/2024 |  |  |        |

|       |     |                     |  |                |          |          |  |  |  |  |         |       |            |  |  |         |
|-------|-----|---------------------|--|----------------|----------|----------|--|--|--|--|---------|-------|------------|--|--|---------|
| 10.5. | DSE | Nguyễn Thủy Anh     |  |                | Vợ       | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 09/07/2024 |  |  |         |
| 10.6. | DSE | Nguyễn Việt Tú      |  |                | Anh ruột | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 09/07/2024 |  |  |         |
| 10.7. | DSE | Nguyễn Thị Dịu      |  |                | Chị dâu  | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 09/07/2024 |  |  |         |
| 10.8. | DSE | Nguyễn Hoàng Bách   |  |                | Con      | Không có |  |  |  |  | 0       | 0     | 09/07/2024 |  |  | Còn nhỏ |
| 10.9. | DSE | Nguyễn Hoàng Lan Vy |  |                | Con      | Không có |  |  |  |  | 0       | 0     | 09/07/2024 |  |  | Còn nhỏ |
| 11.   | DSE | Nguyễn Thị Duyên    |  | Kế toán trưởng |          | CCCD     |  |  |  |  | 109,610 | 0.03% | 14/7/2020  |  |  |         |
| 11.1. | DSE | Nguyễn Duy Thắng    |  |                | Bố đẻ    | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 14/7/2020  |  |  |         |
| 11.2. | DSE | Nguyễn Văn Đông     |  |                | Bố chồng | CCCD     |  |  |  |  | 0       | 0     | 14/7/2020  |  |  |         |



|       |     |                        |  |                                |          |          |  |  |  |  |        |       |           |  |  |         |
|-------|-----|------------------------|--|--------------------------------|----------|----------|--|--|--|--|--------|-------|-----------|--|--|---------|
| 11.3. | DSE | Cao Thị Dung           |  |                                | Mẹ chồng | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 14/7/2020 |  |  |         |
| 11.4. | DSE | Nguyễn Khánh Chi       |  |                                | Chồng    | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 14/7/2020 |  |  |         |
| 11.5. | DSE | Nguyễn Thị Hằng        |  |                                | Chị gái  | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 14/7/2020 |  |  |         |
| 11.6. | DSE | Trịnh Thanh Tùng       |  |                                | Anh rể   | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 14/7/2020 |  |  |         |
| 11.7. | DSE | Nguyễn Nam Khánh       |  |                                | Con      | Không có |  |  |  |  | 0      | 0     | 14/7/2020 |  |  | Còn nhỏ |
| 11.8. | DSE | Nguyễn An Nhiên        |  |                                | Con      | Không có |  |  |  |  | 0      | 0     | 14/7/2020 |  |  | Còn nhỏ |
| 12    | DSE | Phan Nguyễn Hữu Phương |  | Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh |          | CCCD     |  |  |  |  | 69,400 | 0.02% | 13/3/2024 |  |  |         |
| 12.1  | DSE | Phan Hữu Đường         |  |                                | Bố đẻ    | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 13/3/2024 |  |  |         |
| 12.2  | DSE | Nguyễn Thị Thủy Anh    |  |                                | Mẹ đẻ    | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 13/3/2024 |  |  |         |



|      |     |                     |  |  |         |          |  |  |  |  |   |   |           |  |  |         |
|------|-----|---------------------|--|--|---------|----------|--|--|--|--|---|---|-----------|--|--|---------|
|      |     |                     |  |  |         |          |  |  |  |  |   |   |           |  |  |         |
| 12.3 | DSE | Phan Văn Cẩm        |  |  | Bố Vợ   | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 13/3/2024 |  |  |         |
| 12.4 | DSE | Trương Thị Hạnh     |  |  | Mẹ Vợ   | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 13/3/2024 |  |  |         |
| 12.5 | DSE | Phan Thị Thủy Trang |  |  | Vợ      | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 13/3/2024 |  |  |         |
| 12.6 | DSE | Lê Quốc Đạt         |  |  | Anh rể  | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 13/3/2024 |  |  |         |
| 12.7 | DSE | Nguyễn Thiện Toàn   |  |  | Em rể   | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 13/3/2024 |  |  |         |
| 12.8 | DSE | Phan Nguyễn Hữu Nam |  |  | Em trai | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 13/3/2024 |  |  |         |
| 12.9 | DSE | Phan Hữu Phúc       |  |  | Con     | Không có |  |  |  |  | 0 | 0 | 13/3/2024 |  |  | Còn nhỏ |
| 12.1 | DSE | Phan Hoàng Ngân     |  |  | Con     | Không có |  |  |  |  | 0 | 0 | 13/3/2024 |  |  | Còn nhỏ |

151 Z 0 1 1 1

|       |     |                  |  |                                       |          |          |  |  |  |  |        |       |            |  |  |        |
|-------|-----|------------------|--|---------------------------------------|----------|----------|--|--|--|--|--------|-------|------------|--|--|--------|
| 13    | DSE | Nguyễn Thị Hương |  | Người được ủy quyền công bố thông tin |          | CC       |  |  |  |  | 32,210 | 0.01% | 08/7/2024  |  |  |        |
| 13.1. | DSE | Nguyễn Văn Loan  |  |                                       | Bố đẻ    | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 08/7/2024  |  |  |        |
| 13.2. | DSE | Lê Thị Hằng      |  |                                       | Mẹ đẻ    | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 08/7/2024  |  |  |        |
| 13.3. | DSE | Lê Đình Miên     |  |                                       | Bố chồng | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 08/7/2024  |  |  |        |
| 13.4. | DSE | Nguyễn Thị Ngân  |  |                                       | Mẹ chồng | Không có |  |  |  |  |        |       | 08/7/2024  |  |  | Đã mất |
| 13.5. | DSE | Nguyễn Thị Liên  |  |                                       | Chị gái  | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 08/7/2024  |  |  |        |
| 13.6. | DSE | Phạm Đăng Quang  |  |                                       | Anh rể   | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 08/7/2024  |  |  |        |
| 13.7. | DSE | Lê Đình Nguyên   |  |                                       | Chồng    | CCCD     |  |  |  |  | 0      | 0     | 08/7/2024  |  |  |        |
| 13.8. | DSE | Lê Ngân Hà       |  |                                       | Con      | CC       |  |  |  |  | 0      | 0     | 08/7/2024  |  |  |        |
| 13.9. | DSE | Lê Nguyên Bảo    |  |                                       | Con      | CC       |  |  |  |  | 0      | 0     | 08/7/2024  |  |  |        |
| 14    | DSE | Dương Thu Trang  |  | Trưởng Ban kiểm toán nội bộ           |          | CCCD     |  |  |  |  | 8,000  | 0.00% | 21/08/2024 |  |  |        |

C/CT  
TỶ  
ẢN  
HO  
E  
3-1

|      |     |                      |  |  |          |      |  |  |  |  |   |   |            |  |  |  |
|------|-----|----------------------|--|--|----------|------|--|--|--|--|---|---|------------|--|--|--|
| 14.1 | DSE | Dương Văn Bình       |  |  | Bố đẻ    | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 21/08/2024 |  |  |  |
| 14.2 | DSE | Đỗ Thị Sinh          |  |  | Mẹ đẻ    | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 21/08/2024 |  |  |  |
| 14.3 | DSE | Dương Tuấn Tùng      |  |  | Anh trai | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 21/08/2024 |  |  |  |
| 14.4 | DSE | Nguyễn Thị Tuyết Mai |  |  | Chị Dâu  | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 21/08/2024 |  |  |  |

*Ghi chú/Note:*

*Số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/*

*NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*



### PHỤ LỤC III

### APPENDIX III

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

### TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE năm 2025)

Attached Report on Corporate Governance for 2025

Tại ngày 31/12/2025 /As of 31 December 2025



| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/<br>individual                                                          | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty<br>Relationship<br>with the<br>Company     | Số Giấy NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp<br>NSH No.* date of issue,<br>place of issue                                                                                                                                                                        | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address                                                      | Thời điểm giao<br>dịch với công ty<br>Time of<br>transactions with<br>the Company | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định của ĐHĐCĐ/ HĐQT...<br>thông qua (nếu có, nêu rõ<br>ngày ban hành)<br>Resolution No. or Decision<br>No. approved by General<br>Meeting of Shareholders/<br>Board of Directors (if any,<br>specifying date of issue) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao<br>dịch<br>Content, quantity, total value<br>of transaction                                                                                                                                                                                                                              | Ghi<br>chú<br>Note |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1          | Công ty Cổ phần<br>Công nghệ Tài<br>chính Encapital<br><br>Encapital<br>Financial<br>Technology Joint<br>Stock Company | Công ty mẹ -<br>Cổ đông lớn<br><br>Parent<br>Company -<br>Major<br>Shareholders | 0108400691 cấp lần<br>đầu ngày 09/08/2018<br>bởi Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư thành phố Hà<br>Nội<br><br>Business Registration<br>Number 0108400691,<br>initially issued on<br>August 9, 2018, by the<br>Hanoi Department of<br>Planning and<br>Investment | Số 46 Ngõ<br>Quyền,<br>Phường Cửa<br>Nam Hà Nội<br><br>46 Ngõ Quyền<br>Street, Cửa<br>Nam Ward,<br>Hanoi | 01/01/2025-<br>31/12/2025                                                         | 10/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT ngày 08/04/2025<br><br>10/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT dated April 08,<br>2025                                                                                                                                                | - Doanh thu phí giao dịch và các<br>dịch vụ chứng khoán/<br>Revenue from transaction fees<br>and securities services:<br>569.975.533 VND<br><br>- Chi phí cho các hợp đồng dịch<br>vụ/ Costs for service contracts:<br>1.567.079.000 VND<br><br>- Chi phí lãi tiền gửi / Interest<br>expenses on deposits :<br>107.986.838 VND |                    |
| 2          | Công ty Cổ phần<br>Encapital Holdings<br><br>Encapital Holdings<br>Joint Stock<br>Company                              | Cổ đông lớn<br><br>Major<br>Shareholders                                        | 0109201071 cấp lần<br>đầu ngày 29/05/2020<br>bởi Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư thành phố Hà<br>Nội                                                                                                                                                          | Số 46 Ngõ<br>Quyền,<br>Phường Cửa<br>Nam, Hà Nội                                                         | 01/01/2025-<br>31/12/2025                                                         | 10/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT ngày 08/04/2025<br><br>10/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT dated April 08,<br>2025                                                                                                                                                | - Doanh thu phí giao dịch và các<br>dịch vụ chứng khoán/<br>Revenue from transaction fees<br>and securities services:<br>270.210.892 VND                                                                                                                                                                                       |                    |





| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/<br>individual | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty<br>Relationship<br>with the<br>Company | Số Giấy NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp<br>NSH No. * date of issue,<br>place of issue                                                                                                    | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address                         | Thời điểm giao<br>dịch với công ty<br>Time of<br>transactions with<br>the Company | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định của ĐHCĐ/ HĐQT...<br>thông qua (nếu có, nêu rõ<br>ngày ban hành)<br>Resolution No. or Decision<br>No. approved by General<br>Meeting of Shareholders/<br>Board of Directors (if any,<br>specifying date of issue) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao<br>dịch<br>Content, quantity, total value<br>of transaction                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi<br>chú<br>Note |
|------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|            |                                                               |                                                                             | Business Registration<br>Number 0109201071,<br>initially issued on May<br>29, 2020, by the Hanoi<br>Department of<br>Planning and<br>Investment.                                    | 46 Ngõ Quyền<br>Street, Cua<br>Nam Ward,<br>Hanoi                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí lãi tiền gửi / Interest<br/>expenses on deposits:<br/>452.913.139 VND</li> <li>- Giá trị giao dịch trái phiếu<br/>DSE125004<br/>(DSE2426001)/Transaction<br/>value of DSE125004<br/>(DSE2426001) bond :<br/>Số lượng/Quantity: 3.244.988<br/>trái phiếu/bonds.<br/>Tổng giá trị giao dịch/Total<br/>value of transaction:<br/>324.498.800.000</li> <li>- Giá trị giao dịch trái phiếu<br/>DSE125018/Transaction value<br/>of DSE125018 bond:<br/>Số lượng/Quantity: 4.913.592<br/>trái phiếu/bonds.<br/>Tổng giá trị giao dịch/Total<br/>value of transaction:<br/>491.359.200.000</li> </ul> |                    |
|            | PYN ELITE FUND<br>(NON-UCITS)                                 | Cổ đông lớn<br>Major<br>Shareholders                                        | CA5604 cấp ngày<br>15/12/2011 bởi Tổng<br>công ty Lưu ký và Bù<br>trừ chứng khoán Việt<br>Nam<br>CA5604, issued on<br>December 15, 2011,<br>by the Vietnam<br>Securities Depository | C/O PYN Fund<br>Management<br>Ltd, PL 139<br>00101,<br>Helsinki,<br>Finland | 01/04/2025-<br>15/04/2025                                                         | 10/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT ngày 08/04/2025<br>10/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT dated April 08,<br>2025                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu phí giao dịch và<br/>các dịch vụ chứng khoán<br/>Revenue from transaction<br/>fees and securities services:<br/>256.239.744 VND</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                    |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/<br>individual                                                                             | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty<br>Relationship<br>with the<br>Company           | Số Giấy NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp<br>NSH No. * date of issue,<br>place of issue                                                                                                                                    | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address                                                                                                                                                                        | Thời điểm giao<br>dịch với công ty<br>Time of<br>transactions with<br>the Company | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định của ĐHCĐ/ HĐQT...<br>thông qua (nếu có, nêu rõ<br>ngày ban hành)<br>Resolution No. or Decision<br>No. approved by General<br>Meeting of Shareholders/<br>Board of Directors (if any,<br>specifying date of issue) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao<br>dịch<br>Content, quantity, total value<br>of transaction                                                                                                                                                                                                                         | Ghi<br>chú<br>Note |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|            |                                                                                                                                           |                                                                                       | and Clearing<br>Corporation.                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                    |
| 4          | Công ty TNHH<br>Thanh toán PayX                                                                                                           | Công ty con<br>của tổ chức có<br>liên quan<br>Subsidiary of<br>the related<br>company | 0107397069 cấp lần đầu<br>ngày 13/4/2016 bởi Sở<br>Kế hoạch và Đầu tư<br>thành phố Hà Nội<br>0107397069 first<br>issued on April 13,<br>2016 by the<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Hanoi<br>City | Tầng 4, Tòa<br>nhà Pax Sky,<br>63-65 Ngõ Thị<br>Nhậm,<br>Phường Hai<br>Bà Trưng,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam<br>4 Floor, Pax<br>Sky Tower,<br>Ngo Thi Nham<br>Street, Hai Ba<br>Trung Ward,<br>Hanoi City,<br>Vietnam | 01/04/2025-<br>31/12/2025                                                         | 05/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT ngày 28/02/2025<br>và 10/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT ngày 08/04/2025<br>05/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT dated February<br>28, 2025 and<br>10/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT dated April 08,<br>2025                                         | - Doanh thu phí dịch vụ thu chi<br>hộ/Revenue from collection<br>and disbursement services:<br>26.188.800 VND                                                                                                                                                                                                             |                    |
| 5          | Thành viên HĐQT,<br>Ban Tổng giám<br>đốc và BKS<br>Members of the<br>Board of Directors,<br>Executive Board,<br>and Supervisory<br>Board. | Người nội bộ<br>Internal<br>Persons                                                   |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                   | 10/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT ngày 08/04/2025<br>10/2025/NQ-DNSE-<br>HĐQT dated April 08,<br>2025                                                                                                                                                   | - Doanh thu phí giao dịch và các<br>dịch vụ chứng khoán/<br>Revenue from transaction fees<br>and securities services:<br>35.234.642 VND<br><br>- Chi phí lãi tiền gửi / Interest<br>expenses on deposits :<br>286.154.013VND<br><br>- Phát hành và phân phối lại cổ<br>phiếu thưởng ESOP/Issued<br>and redistributed ESOP |                    |

3-T  
 IN  
 HOA  
 E

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/<br>individual | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty<br>Relationship<br>with the<br>Company | Số Giấy NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp<br>NSH No * date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address | Thời điểm giao<br>dịch với công ty<br>Time of<br>transactions with<br>the Company | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định của ĐHĐCĐ/ HĐQT...<br>thông qua (nếu có, nêu rõ<br>ngày ban hành)<br>Resolution No. or Decision<br>No. approved by General<br>Meeting of Shareholders/<br>Board of Directors (if any,<br>specifying date of issue) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao<br>dịch<br>Content, quantity, total value<br>of transaction | Ghi<br>chú<br>Note |
|------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|            |                                                               |                                                                             |                                                                                 |                                                     |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                 | shares: 7.009.162 cổ<br>phiếu/shares                                                              |                    |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/*

*NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*



# PHỤ LỤC IV

## APPENDIX IV

### GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY TRANSACTIONS OF INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS WITH SHARES OF THE COMPANY

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE năm 2025)

Attached 2025 Report on Corporate Governance

Tại ngày 31/12/2025 /As of 31 December 2025



| Stt<br>No. | Người thực hiện<br>giao dịch<br>Transaction<br>executor | Quan hệ với<br>người nội bộ<br>Relationship with internal<br>persons | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ<br>Number of shares owned at the<br>beginning of the period |                     | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>Number of shares owned at the<br>end of the period |                     | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển<br>đổi, thưởng...) Reasons for increasing,<br>decreasing (buying, selling, converting,<br>rewarding, etc.)                                                                                                                 |
|------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                         |                                                                      | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                                       | Tỷ lệ<br>Percentage | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                                  | Tỷ lệ<br>Percentage |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 1.         | Nguyễn Hoàng<br>Giang                                   | Người nội bộ<br>Internal Person                                      | 0                                                                                     | 0%                  | 2.723.280                                                                        | 0,79%               | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE và phân phối lại cổ phần<br>do CBNV nghỉ việc<br>Received shares under the first and<br>second ESOP in 2025 of DNSE and<br>redistributed withdrawn ESOP shares |
| 2.         | Lê Anh Tuấn                                             | Người nội bộ<br>Internal Person                                      | 0                                                                                     | 0%                  | 2.715.760                                                                        | 0,79%               | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE và phân phối lại cổ phần<br>do CBNV nghỉ việc<br>Received shares under the first and<br>second ESOP in 2025 of DNSE and<br>redistributed withdrawn ESOP shares |
| 3.         | Phạm Thị Thanh<br>Hoa                                   | Người nội bộ<br>Internal Person                                      | 0                                                                                     | 0%                  | 288.710                                                                          | 0,08%               | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE<br>Received shares under the first and<br>second ESOP in 2025 of DNSE                                                                                          |
| 4.         | Nguyễn Thị Hà<br>Ninh                                   | Người nội bộ<br>Internal Person                                      | 60.000                                                                                | 0,02%               | 372.600                                                                          | 0,11%               | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE                                                                                                                                                                |





| Stt<br>No. | Người thực hiện<br>giao dịch<br><i>Transaction<br/>executor</i> | Quan hệ với<br>người nội bộ<br><i>Relationship with internal<br/>persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ<br><i>Number of shares owned at the<br/>beginning of the period</i> |                            | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the<br/>end of the period</i> |                            | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển<br>đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing,<br/>decreasing (buying, selling, converting,<br/>rewarding, etc.)</i>                       |
|------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                 |                                                                              | Số cổ phiếu<br><i>Number of shares</i>                                                        | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> | Số cổ phiếu<br><i>Number of shares</i>                                                   | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> |                                                                                                                                                                              |
|            |                                                                 |                                                                              |                                                                                               |                            |                                                                                          |                            | <i>Received shares under the first and<br/>second ESOP in 2025 of DNSE</i>                                                                                                   |
| 5.         | Nguyễn Quỳnh Mai                                                | Người nội bộ<br><i>Internal Person</i>                                       | 30.602                                                                                        | 0,01%                      | 107.912                                                                                  | 0,03%                      | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE<br><i>Received shares under the first and<br/>second ESOP in 2025 of DNSE</i> |
| 6.         | Nguyễn Quang<br>Sơn                                             | Người nội bộ<br><i>Internal Person</i>                                       | 0                                                                                             | 0%                         | 133.210                                                                                  | 0,04%                      | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE<br><i>Received shares under the first and<br/>second ESOP in 2025 of DNSE</i> |
| 7.         | Trần Vĩnh Cử                                                    | Người nội bộ<br><i>Internal Person</i>                                       | 0                                                                                             | 0%                         | 155.570                                                                                  | 0,05%                      | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE<br><i>Received shares under the first and<br/>second ESOP in 2025 of DNSE</i> |
| 8.         | Nguyễn Ngọc Linh                                                | Người nội bộ<br><i>Internal Person</i>                                       | 0                                                                                             | 0%                         | 186.600                                                                                  | 0,05%                      | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE<br><i>Received shares under the first and<br/>second ESOP in 2025 of DNSE</i> |
| 9.         | Nguyễn Thị Duyên                                                | Người nội bộ<br><i>Internal Person</i>                                       | 0                                                                                             | 0%                         | 109.610                                                                                  | 0,03%                      | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE<br><i>Received shares under the first and<br/>second ESOP in 2025 of DNSE</i> |
| 10.        | Nguyễn Hoàng<br>Việt                                            | Người nội bộ<br><i>Internal Person</i>                                       | 0                                                                                             | 0%                         | 292.900                                                                                  | 0,09%                      | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE                                                                               |


  
C.
   
CÔNG TY CỔ PHẦN
   
KHOAN SƠN
   
DNSE
   
JNG

| Stt<br>No. | Người thực hiện<br>giao dịch<br><i>Transaction<br/>executor</i> | Quan hệ với<br>người nội bộ<br><i>Relationship with internal<br/>persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ<br><i>Number of shares owned at the<br/>beginning of the period</i> |                            | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the<br/>end of the period</i> |                            | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển<br>đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing,<br/>decreasing (buying, selling, converting,<br/>rewarding, etc.)</i>                       |
|------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                 |                                                                              | Số cổ phiếu<br><i>Number of shares</i>                                                        | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> | Số cổ phiếu<br><i>Number of shares</i>                                                   | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> |                                                                                                                                                                              |
|            |                                                                 |                                                                              |                                                                                               |                            |                                                                                          |                            | <i>Received shares under the first and<br/>second ESOP in 2025 of DNSE</i>                                                                                                   |
| 11.        | Phan Nguyễn Hữu<br>Phương                                       | Người nội bộ<br><i>Internal Person</i>                                       | 0                                                                                             | 0%                         | 69.400                                                                                   | 0,02%                      | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE<br><i>Received shares under the first and<br/>second ESOP in 2025 of DNSE</i> |
| 12.        | Nguyễn Thị Hương                                                | Người nội bộ<br><i>Internal Person</i>                                       | 0                                                                                             | 0%                         | 32.210                                                                                   | 0,01%                      | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE<br><i>Received shares under the first and<br/>second ESOP in 2025 of DNSE</i> |
| 13.        | Dương Thu Trang                                                 | Người nội bộ<br><i>Internal Person</i>                                       | 0                                                                                             | 0%                         | 8.000                                                                                    | 0,001%                     | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát<br>hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm<br>2025 của DNSE<br><i>Received shares under the first and<br/>second ESOP in 2025 of DNSE</i> |

